TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/DSST
Ngày: 23/7/2024
V/v: Tranh chấp về chia tài sản chung và chia tài sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Thịnh
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Y Tha Mlô
2. Bà Trần Thị Loan

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2022/TLST-DS, ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp về chia tài sản chung và chia tài sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951. *Có mặt*
Trú tại: Thôn A, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1980. *Có đơn xin xét xử vắng mặt*
Trú tại: Thôn A, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông Đặng Văn B, sinh năm 1973. *Có mặt*
Địa chỉ: 24, đường số 2, khu phố 3, phường 5, thành phố D, tỉnh Bình Dương.
- Ông Đặng Văn C, sinh năm 1978. *Vắng mặt*
Địa chỉ: Thôn 6, xã P, huyện X, tỉnh Bình Định
- Ông Đặng Văn E, sinh năm 1980. *Vắng mặt*
Địa chỉ: Thôn 6, xã P, huyện X, tỉnh Bình Định
- Ông Đặng Văn G, sinh năm 1985. *Có đơn xin xét xử vắng mặt*
Địa chỉ thường trú: Tổ 19, khu phố 4, thị trấn K, huyện Y, tỉnh Tây Ninh
Địa chỉ hiện tại: Hạt Kiểm lâm huyện V, tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Đặng Văn N, sinh năm 1951 là vợ chồng với nhau. Quá trình chung sống, bà với ông N có 05 người con chung là: Đặng Văn B, sinh năm 1973; Đặng Văn C, sinh năm 1978; Đặng Văn G, sinh năm 1985; Đặng Văn E, sinh năm 1980 và Đặng Thị H, sinh năm 1980. Bà và ông N có tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 tại xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CB 753991 do UBND huyện R cấp ngày 18/8/2016 mang tên ông Đặng Văn N và Bà (vợ) Nguyễn Thị T. Hiện trên đất có 01 căn nhà tạm bằng gỗ và trồng cây cà phê và một số cây trồng khác.

Ngày 04/5/2021 ông Đặng Văn N chết, không để lại di chúc. Gia đình bà và các con không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế và phân chia tài sản chung đối với tài sản nói trên. Tại thời điểm khởi kiện, con gái của bà là bà Đặng Thị H đang quản lý, canh tác thửa đất nói trên. Vì bà tuổi tác đã cao, để đảm bảo quyền lợi cũng như có nguồn thu nhập lo cho cuộc sống, nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar giải quyết phân chia tài sản chung và di sản thừa kế. Cụ thể, bà yêu cầu được chia tài sản chung là 1/2 khối tài sản là thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 tại xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk do bà và ông N tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Đồng thời, bà còn yêu cầu chia phần di sản thừa kế do ông N để lại là 1/6 của 1/2 diện tích thửa đất số 03, tờ bản đồ số 50 nói trên là phần tài sản của ông N trong khối tài sản chung vợ chồng**.**

*- Quá trình tham gia tố tụng**,** Bị đơn bà Đặng Thị H trình bày:*

Bà là con của ông Đặng Văn N và bà Nguyễn Thị T. Trước đây, bố mẹ bà và các anh em trong gia đình có tạo lập được thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 tại xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được cấp Giấy CNQSD đất mang tên bố mẹ bà là ông N, bà T. Ông N đã chết vào ngày 04/5/2021. Khi chết không để lại di chúc. Khi đó bà có tạm thời canh tác trên thửa đất nói trên. Nay mẹ bà là bà T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và chia thừa kế đối với thửa đất nói trên và tài sản trên đất thì bà xác định hiện tại bà đã giao lại toàn bộ thửa đất tranh chấp và tài sản trên đất cho bà T mẹ của bà quản lý. Bà không có tranh chấp gì đối với thửa đất và tài sản trên đất và đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà xác định ngoài bà là con ruột của bà T, ông N thì bà còn có các anh em ruột là Đặng Văn B, sinh năm 1973; Đặng Văn C, sinh năm 1978; Đặng Văn G, sinh năm 1985, Đặng Văn E, sinh năm 1980.

- Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn B trình bày:

Ông hoàn toàn thống nhất với ý kiến của mẹ ông là bà Nguyễn Thị T và em gái ông là Đặng Thị H. Trước đây, bố mẹ ông có tạo lập được thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 tại xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được cấp Giấy CNQSD đất mang tên bố mẹ ông là ông N, bà T. Ông N đã chết vào ngày 04/5/2021. Khi chết không để lại di chúc. Nay bà T là mẹ ông khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và chia thừa kế đối với thửa đất nói trên và tài sản trên đất thì ông đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông xác định ngoài ông là con ruột của bà T, ông N thì ông còn có các anh em ruột là Đặng Văn C, sinh năm 1978; Đặng Văn G, sinh năm 1985, Đặng Văn E, sinh năm 1980 và Đặng Thị H, sinh năm 1980.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định (theo quyết định ủy thác thu thập chứng của TAND huyện Cư M'gar) thì Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn C và ông Đặng Văn E cùng thống nhất trình bày:

Hai ông là con của ông Đặng Văn N và bà Nguyễn Thị T. Ông N với bà T có tất cả 05 người con như bà T trình bày. Khối tài sản chung của ông N, bà T là thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 tại xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N và bà T là đúng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế đối với phần tài sản của ông N trong khối tài sản chung nói trên thì hai ông không chấp nhận và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hai ông không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà T nêu trên vì khối tài sản chung này có phần hai ông đóng góp tạo lập chứ không phải là tài sản của riêng cha mẹ.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (theo quyết định ủy thác thu thập chứng của TAND huyện Cư M'gar) thì Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn G xác định ông không biết, không có ý kiến và không có yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: Đã tuân thủ cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử đối với vụ án.

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn C, Đặng Văn E và Đặng Văn G chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự. Xét thấy phía nguyên đơn có đủ căn cứ pháp lý để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ theo quy định tại các Điều 213, Điều 219, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

Chia cho bà Nguyễn Thị T được nhận ½ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 tại thôn A, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk (*Đất đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CB 753991 do UBND huyện R cấp ngày 18/8/2016 mang tên ông Đặng Văn N và bà Nguyễn Thị T*) có giá trị là: 577.746.850 đồng, đây là phần tài sản của bà T trong khối tài sản chung với chồng là ông Đặng Văn N.

Phần di sản thừa kế do ông Đặng Văn N chết để lại (không có di chúc) là ½ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 tại thôn A, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk có giá trị là 577.746.850 đồng thì

chia đều làm 06 phần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm có bà Nguyễn Thị T, Đặng Văn B, Đặng Văn C, Đặng Văn E, Đặng Thị H, Đặng Văn G.

Tuy nhiên, để đảm bảo diện tích đất sản xuất và giá trị tương ứng phần tài sản được chia thừa kế thì cần giao cho bà Nguyễn Thị T được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50 nói trên và bà T có trách nhiệm thanh toán cho những người thừa kế còn lại của ông N là: ông B, ông C, ông E, bà H, ông G phần giá trị được chia di sản thừa kế của ông N để lại với số tiền mỗi người được nhận là 96.291.142 đồng**.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia tài sản thừa kế đối diện tích đất và tài sản trên đất tọa lạc tại Thôn A, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn C, Đặng Văn E vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Bị đơn bà Đặng Thị H và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn G có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nói trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu chia 1/2 khối tài sản chung là thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 tại xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk và tài sản trên đất do bà và ông Đặng Văn N tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Đồng thời, bà còn yêu cầu chia phần di sản thừa kế do ông N để lại là 1/6 của 1/2 diện tích thửa đất số 03, tờ bản đồ số 50 nói trên là phần tài sản của ông N trong khối tài sản chung vợ chồng thì nhận thấy như sau:

Qua xem xét tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp cũng như do tòa án thu thập được và lời thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện thì đã có cơ sở xác định:

Quá trình chung sống, thì vợ chồng ông N, bà T có tạo lập được thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 tại thôn A, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CB 753991 do UBND huyện R cấp ngày 18/8/2016 mang tên ông Đặng Văn N và Bà (vợ) bà Nguyễn Thị T.

Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 của ông N, bà T thì có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa đất số 2, tờ bản đồ số 50

Phía Tây giáp thửa đất số 11,14, tờ bản đồ số 50

Phía Nam giáp đường liên thôn

Phía Bắc giáp thửa đất số 96, tờ bản đồ số 40

Tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà gỗ có diện tích 5m x 6m; 1500 cây cà phê trồng năm 2013; 45 cây điều trồng được khoảng 15 năm; 01 cây xoài và 01 cây vú sữa

trồng cùng năm 2021; 02 giếng khoan vào năm 2015. Hiện thửa đất và tài sản trên đất đang do bà T quản lý sử dụng.

Giá trị thửa đất số 03 nói trên theo kết quả định giá tài sản có giá thị trường là:

40.000.0000 đồng/1000m^2 x 20.047,6m^2 = 801.904.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên đất theo kết quả định giá tài sản có giá trị là: 353.589.700 đồng.

Tổng toàn bộ giá trị của thửa đất và tài sản trên đất là:

801.904.000 đồng + 353.589.700 đồng = **1.155.493.700 đồng**

Ông Đặng Văn N chết vào ngày 04/5/2021, khi chết không để lại di chúc. Còn cha mẹ ruột của ông Đặng Văn N là ông Đặng S và bà Nguyễn U thì chết đã lâu và chết trước ông N.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông Đặng Văn N hiện gồm có vợ là bà Nguyễn Thị T cùng các con ruột là Đặng Văn B, sinh năm 1973; Đặng Văn C, sinh năm 1978; Đặng Văn E, sinh năm 1980; Đặng Thị H, sinh năm 1980 và Đặng Văn G, sinh năm 1985. Ngoài ra, không còn ai khác.

Bị đơn bà Đặng Thị H xác định: Hiện tại, bà đã giao lại toàn bộ thửa đất tranh chấp và tài sản trên đất cho bà T là mẹ của bà. Bà không có tranh chấp gì đối với thửa đất và tài sản trên đất và đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn C và ông Đặng Văn E cùng thống nhất có ý kiến là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T vì khối tài sản chung là thửa đất số 03, tờ bản đồ số 50 này có hai ông đóng góp tạo lập chứ không phải tài sản của riêng ông N, bà T. Tuy nhiên, ông C và ông E không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình và cũng không được bà T thừa nhận nên không có căn cứ xem xét chấp nhận.

Như vậy, cần xác định thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50 nói trên và tài sản trên đất là tài sản chung vợ chồng của ông N và bà T tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Theo quy định tại Điều 33, Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 213 Bộ luật dân sự thì bà T được chia ½ thửa đất (hoặc giá trị thửa đất) là phần của mình trong khối tài sản chung.

Phần di sản thừa kế của ông N để lại không có di chúc trong khối tài sản chung là ½ thửa đất và tài sản trên đất nói trên thì cần chia thừa kế theo pháp luật theo quy định của Bộ luật dân sự cho những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất gồm 06 người: Vợ là bà T và các con của ông N là Đặng Văn B, Đặng Văn C; Đặng Văn E; Đặng Thị H và Đặng Văn G. Mỗi người được chia 1/6 phần tài sản của ông N là ½ thửa đất (hoặc giá trị thửa đất) số 3, tờ bản đồ số 50 nói trên. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

Xét nguyện vọng của bà T là muốn được nhận diện tích đất, đồng thời, qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì thửa số 3, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 của ông N, bà T là loại đất nông nghiệp có hình dáng, kích thước không đồng đều, chỉ có một mặt giáp đường đi liên thôn có chiều ngang chỉ là 22,9m, còn các hướng tiếp giáp khác còn lại đều giáp đất các hộ liền kề không có lối đi. Trong khi đó, phần của bà T trong khối tài sản chung đã là ½ thửa đất.

Nếu chia theo mặt giáp đường để có lối đi cho mỗi người thì phần diện tích đất của bà T được nhận có chiều ngang giáp đường là 11,45m. Như vậy, chiều ngang mặt

giáp đường đi còn lại chỉ dài 11,45m. Với kích thước chiều ngang giáp đường đi còn lại này của thửa đất (phần di sản thừa kế) thì không thể chia thành 6 phần cho những người thừa kế nói trên.

Do vậy, để bảo đảm quyền lợi của những người thừa kế của ông N được hưởng giá trị tài sản thừa kế ngang nhau theo phần của mình đúng quy định pháp luật cũng như bảo đảm được diện tích đất sản xuất nông nghiệp, Hội đồng xét xử thấy, ngoài diện tích là ½ thửa đất số 3 mà bà T được chia thì cần giao cho bà T được nhận toàn bộ phần tài sản do ông N để lại là ½ thửa đất nói trên. Bà T có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị đất và tài sản trên đất bằng tiền cho 05 người con là Đặng Văn B, Đặng Văn C; Đặng Văn E; Đặng Thị H và Đặng Văn G được hưởng theo phần thừa kế của mình, cụ thể như sau:

Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, có diện tích 20.047,6m^2 và tài sản trên đất có tổng giá trị là: **1.155.493.700 đồng.** Trong đó phần tài sản của bà T được chia tài sản chung là ½ thửa đất và tài sản trên đất có giá trị là 577.746.850 đồng.

Phần di sản thừa kế do ông N để lại là ½ thửa đất và tài sản trên đất có giá trị là 577.746.850 đồng**,** được chia cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm bà T, ông B, ông C, ông E, bà H, ông G. Cụ thể, mỗi người được nhận giá trị phần thừa kế của mình là:

577.746.850 đồng : 6 = 96.291.141,66 đồng, làm tròn số là 96.291.142 đồng**.**

Do giao cho bà T được nhận toàn bộ Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 50 và tài sản trên đất nên bà T có nghĩa vụ phải thanh toán lại cho 05 người con: ông B, ông C, ông E, bà H, ông G mỗi người với số tiền là **96.291.142 đồng.**

Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối phần tài sản mà mình được nhận theo quy định của pháp luật.

Do nguyên đơn bà T (sinh năm 1951) là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí đối với phần di sản thừa kế mình được nhận, Cụ thể, bà H, ông B, ông C, ông E, ông G mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:

96.291.142 đồng x 5% = 4.814.557 đồng

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn bà T tự nguyện nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.000.000 đồng (bà T đã nộp tạm ứng và chi phí xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, Điều 38 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 213, Điều 219, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

- Xác định phần tài sản của bà Nguyễn Thị T trong khối tài sản chung với ông Đặng Văn N (chồng bà T) là ½ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 tại thôn A, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk (*Đất đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CB 753991 do UBND huyện R cấp ngày 18/8/2016 mang tên ông Đặng Văn N và bà Nguyễn Thị T*) có giá trị là: 577.746.850 đồng**.**

- Xác định phần di sản thừa kế do ông Đặng Văn N chết để lại (không có di chúc) là ½ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 tại thôn A, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk có giá trị là 577.746.850 đồng.

- Giao cho bà Nguyễn Thị T được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất của thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 tại thôn A, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk và tài sản trên đất gồm có 01 căn nhà gỗ, diện tích 5m x 6m; 1500 cây cà phê; 45 cây điều; 01 cây xoài và 01 cây vú sữa; 02 giếng khoan. Tổng giá trị của thửa đất và tài sản trên đất là: **1.155.493.700 đồng** (*Một tỷ, một trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn, bảy trăm đồng*).

- Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán lại cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đặng Văn N, cụ thể:

Thanh toán cho bà Đặng Thị H số tiền 96.291.142 đồng là phần giá trị thừa kế mà bà H được nhận.

Thanh toán cho ông Đặng Văn B số tiền 96.291.142 đồng là phần giá trị thừa kế mà ông B được nhận.

Thanh toán cho ông Đặng Văn C số tiền 96.291.142 đồng là phần giá trị thừa kế mà ông C được nhận.

Thanh toán cho ông Đặng Văn E số tiền 96.291.142 đồng là phần giá trị thừa kế mà ông E được nhận.

Thanh toán cho ông Đặng Văn G số tiền 96.291.142 đồng là phần giá trị thừa kế mà ông G được nhận.

- Bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đăng ký đất đai để được cấp quyền sử dụng đất mang tên bà đối với thửa đất số 3, tờ bản đồ số 50, diện tích 20.047,6m^2 tại thôn A, xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Lắk.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm***:** bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1951) là người cao tuổi được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị H, ông Đặng Văn B, ông Đặng Văn C, ông Đặng Văn E và ông Đặng Văn G mỗi người phải chịu 4.814.557 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản*: Bà Nguyễn Thị T nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.000.000 đồng (bà T đã nộp tạm ứng và chi phí xong).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Cư M'gar;*
- *Chi cục THA dân sự huyện R;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh